

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 250/2023/DS-ST

Ngày: 29/9/2023

*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Duy Đức.

*Các Hội thẩm Nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Bình.  
2. Ông Trương Vĩnh Mai.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:** Bà H'Michan Niê – C/v Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 255/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 276/2023/QĐXX-DS ngày 28 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 254/2023/QĐXX-DS ngày 13 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông T, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Số X, Phường Y, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông B, sinh năm 1978, là người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền (theo Hợp đồng quyền ngày 22 tháng 5 năm 2023); Địa chỉ: Hẻm E đường H, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

**- Bị đơn:** Ông H, sinh năm 1989 và bà P, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Số M đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đều vắng mặt.

**- Người làm chứng:** Bà N, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số A đường D, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông B trình bày:

Ông T và bà N có mối quan hệ quen biết với nhau. Qua sự giới thiệu của bà N nên ông T quen biết vợ chồng ông H và bà P.

Do cần tiền để đáo hạn Ngân hàng nên vợ chồng ông H và bà P vay tiền của ông T nhiều lần, những lần vợ chồng ông H, bà P vay tiền thì các bên chỉ trao đổi miệng về số tiền vay, thời gian vay và tiền lãi suất phát sinh, sau đó ông T sử dụng các tài khoản Ngân hàng mang tên ông T, cụ thể: tài khoản số K1 mở tại Ngân hàng VietinBank, tài khoản số K2 mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, tài khoản số K3 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, để chuyển tiền cho vợ chồng ông H và bà P vay bằng hình thức chuyển khoản bằng Internet Banking, chuyển vào số tài khoản K4 (mang tên H), mở tại Ngân hàng TMCP Phương Đông.

Cụ thể:

- Vào lúc 11h09 phút ngày 08/3/2023, chuyển số tiền 400.000.000 đồng;
- Vào ngày 16/3/2023, chuyển 03 lần, với tổng số tiền 1.400.000.000 đồng.
- Vào lúc 14h41 phút ngày 16/3/2023, chuyển số tiền 100.000.000 đồng.

Khi vay, các bên thỏa thuận về thời hạn vay 10 ngày, tiền lãi suất phát sinh 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày.

Tổng số tiền ông T cho vợ chồng ông H và bà P vay là 1.900.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm triệu đồng). Đến hạn trả nợ, nhưng vợ chồng H và bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu ông H và bà P thanh toán số tiền nợ gốc là 1.900.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm triệu đồng), và yêu cầu tính lãi suất là 10%/năm, kể từ ngày ông T khởi kiện ngày 22 tháng 5 năm 2023.

2. Đối với bị đơn ông H và bà P trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, đã đăng thông báo nhắn tin tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật, nhưng hết thời hạn thông báo nhắn tin mà không có tin tức gì về ông H và bà P. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

3. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đều vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông T. Buộc bị đơn ông H và bà P có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền là 1.900.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm triệu đồng).

Về chi phí tiền đăng thông báo nhắc tin tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông H và bà P phải chịu tiền chi phí đăng thông báo nhắc tin tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông H và bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông T khởi kiện bị đơn là ông H và bà P về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; bị đơn có nơi cư trú tại số M đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, đã đăng thông báo nhắc tin tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật, nhưng hết thời hạn thông báo nhắc tin mà không có tin tức gì về ông H và bà P. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai, kiểm tra giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải, đối chất với bị đơn được. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do lần thứ hai, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 5 năm 2023, nguyên đơn yêu cầu Tòa án tính lãi suất với mức lãi suất là 1,6%/tháng kể từ ngày vay tiền. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi suất, yêu cầu tính lãi suất là 10%/năm, kể từ ngày ông T khởi kiện ngày 22 tháng 5 năm 2023. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với qui định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông H và bà P phải trả số tiền nợ gốc là 1.900.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn ông T cung cấp chứng cứ là Bảng sao kê chi tiết tài khoản của ông T mở tại Ngân hàng TMP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, thể hiện việc ông T chuyển tiền đến số tài khoản K4 mang tên H, mở tại Ngân hàng TMCP Phương Đông, cụ thể các giao dịch như sau: Ngày 08/3/2023 chuyển số tiền 400.000.000 đồng; Ngày 16/3/2023 chuyển 03 lần với tổng số tiền là 1.400.000.000 đồng; Ngày 16/3/2023 chuyển số tiền 100.000.000 đồng. Như vậy, đã đủ căn cứ xác định nguyên đơn ông T đã chuyển tiền cho bị đơn ông H vay nhiều lần tiền thông qua tài khoản các ngân hàng, tổng số tiền là 1.900.000.000 đồng. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần chấp nhận.

Đối với bà P, mặc dù ông T chuyển tiền vay vào số tài khoản của ông H. Tuy nhiên ông H vay tiền của ông T nhằm mục đích kinh doanh và phục vụ nhu cầu của gia đình. Do vậy, cần buộc bà P có trách nhiệm liên đới cùng ông H thanh toán nợ vay cho nguyên đơn ông T là phù hợp với quy định tại Điều 27, Điều 30 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông H và bà P phải trả lãi suất. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn cho bị đơn vay tiền thông qua hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của bị đơn, các bên không xác lập hợp đồng vay tiền có thỏa thuận về lãi suất, vì vậy đây là hợp đồng vay không có kỳ hạn và không có lãi suất. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất là 10%/năm kể từ ngày nguyên đơn khởi kiện (ngày 22 tháng 5 năm 2023) là phù hợp với quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận.

Lãi suất được tính cụ thể như sau (tính từ ngày 22/5/2023 đến ngày 29/9/2023):  $1.900.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 04 \text{ tháng } 07 \text{ ngày} = 66.977.169 \text{ đồng}$ .

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T. Buộc bị đơn ông H và bà P có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền 1.966.977.169 đồng, trong đó nợ gốc là 1.900.000.000 đồng, nợ lãi là 66.977.169 đồng.

[5] Về chi phí tiền đăng thông báo nhấn tin tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền chi phí đăng thông báo nhấn tin tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú là 2.425.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã nộp số tiền 2.425.000 đồng để chi phí cho việc đăng thông báo nhấn tin tìm kiếm người

vắng mặt tại nơi cư trú, nên ông T được nhận lại số tiền 2.425.000 đồng sau khi thu được của bị đơn là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định là phù hợp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 162; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 27, Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### ***Tuyên xử:***

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T. Buộc bị đơn ông H và bà P có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông T tổng số tiền 1.966.977.169 đồng, trong đó nợ gốc là 1.900.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 29/9/2023 là 66.977.169 đồng.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

[2] Về chi phí tiền đăng thông báo nhắc tin tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú: Ông H và bà P phải chịu tiền chi phí đăng thông báo nhắc tin tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú là 2.425.000 đồng. Ông T được nhận lại số tiền 2.425.000 đồng sau khi thu được của ông H và bà P.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H và bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sơ thẩm là 71.009.315 đồng (

Hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 35.544.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0002039 ngày 22 tháng 5 năm 2023 (do N nộp thay).

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh, VKSND tỉnh;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- Các đương sự liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Duy Đức**